

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2024
Về tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà
Ông Phạm Công Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16.8.2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Vĩnh M, sinh năm 1978 (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Thị Như A, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: K106/9 N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trần Vĩnh M như sau:*

Về quA hệ hôn nhân: Ông M kết hôn với bà Nguyễn Thị Như A vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời giA chung sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ tôi không chăm lo cho gia đình thường xuyên đi về khuya, hiện tại đã sống ly thân. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nếu có kéo dài cũng không có hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Như A.

Về con chung: Ông M xác định có 03 con chung là Trần Nhật KhAg, sinh ngày 21/3/2006; Trần Nguyệt Phương, sinh ngày 03/10/2010; Trần Duy Kha, sinh ngày 30/4/2013. Ly hôn, nguyện vọng của ông M được trực tiếp nuôi dưỡng con 02 con chung là Nguyệt Phương và Duy Kha, yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Đối với con chung Trần Nhật KhAg đã thành niên nên không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Như A mặc dù đã được Toà án gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng bà A vẫn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho ông Trần Vĩnh M được ly hôn bà Nguyễn Thị Như A; Về con chung có 03 con chung là Trần Nhật KhAg, sinh ngày 21/3/2006; Trần Nguyệt Phương, sinh ngày 03/10/2010; Trần Duy Kha, sinh ngày 30/4/2013 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con 02 con Nguyệt Phương và Duy Kha cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, bà A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02 con, mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có phản hồi ý kiến nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quA điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Vĩnh M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Như A được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[1] Về nội dung: Ông Trần Vĩnh M và bà Nguyễn Thị Như A kết hôn vào ngày 30 tháng 5 năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 56, Quyền số 01/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống được một thời giA thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông M trình bày là do quA điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà A thường xuyên không chăm lo cho gia đình, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau. Bị đơn bà A đã nhiều lần Tòa án thông báo hòa giải nhưng bà đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bà không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Tại đơn xét xử vắng mặt ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn bà A, về con chung ông xin được nuôi 02 con Nguyệt Phương và Duy Kha yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02 con, mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của ông M xin được ly hôn bà A thì thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ly hôn là cách tốt nhất để giải phóng cho nhau, tạo điều kiện cho nhau có cuộc sống riêng.

[4] Về con chung: Ông M xác định có 03 con chung là Trần Nhật KhAg, sinh ngày 21/3/2006; Trần Nguyệt Phương, sinh ngày 03/10/2010; Trần Duy Kha, sinh ngày 30/4/2013. Ly hôn, nguyện vọng của ông M được trực tiếp nuôi dưỡng con 02 con chung là Nguyệt Phương và Duy Kha, yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Đối với con chung Trần Nhật KhAg đã thành niên nên không yêu cầu. Xét yêu cầu xin được nuôi con của ông M thì thấy: Việc giao con cho ai nuôi để con phát triển về thể chất và tinh thần là điều cần thiết, hiện tại cháu đAg sống với cả hai vợ chồng. Tuy nhiên, theo lời khai của 02 con chung thì ông M là người chăm lo cho 02 con nhiều hơn, bà A thường xuyên đi sớm về muộn, bà A cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con của ông M mà có ý bỏ mặc, khi đã nhiều lần Tòa án ra thông báo hòa giải mà bà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, cần thiết giao 02 con cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, buộc bà A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông M phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí về cấp dưỡng nuôi con bà A phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh M về trAh chấp “Ly hôn” đối với bà Nguyễn Thị Như A.

1. *Về quA hệ hôn nhân:* Cho ông Trần Vĩnh M được ly hôn bà Nguyễn Thị Như A.

2. *Về con chung:* Xử: Giao 02 con chung tên Trần Nguyệt Phương, sinh ngày 03/10/2010; Trần Duy Kha, sinh ngày 30/4/2013 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Như A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng); mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đều được thực hiện quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời giA chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết bà A không có ý kiến phản hồi nên không đề cập đến.

4. *Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần Vĩnh M phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000340 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, ông M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Như A phải chịu.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Châu II, quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng